

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/DS-ST
Ngày: 27/02/2026
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Tiến

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Minh Phương

2. Ông Lê Anh Khoa

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ:* Bà Võ Thị Nhu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 396/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1077/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025. Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Đ**

Địa chỉ: Số B đường N, phường C, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình L** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Cảnh K.** Có mặt.

Địa chỉ: Lầu F, số A T, phường N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông **Đặng Chí L1**, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Bà **Nguyễn Thị Xuân T**, sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: Số I đường C, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T cùng Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh T1 (P) ký kết Hợp đồng hạn mức cho vay số: 251/2022/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 23/06/2022 cùng Khế ước nhận nợ như sau: KUNN ngày 23/12/2022; Thời hạn vay: 06 tháng (theo từng KUNN); Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh Salon tóc Lê H; Số tiền thực tế giải ngân: 910.000.000 đồng; Dư nợ gốc hiện tại: 906.244.493 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T đã cùng P ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 251/2022/HĐBĐ/PVB-CNTDO ngày 23/06/2022, chi tiết tài sản bảo đảm như sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CU 291626; số vào sổ cấp GCN số: CS09844 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố C (cũ) cấp ngày 01/04/2020, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 06/06/2022 cho ông Đặng Chí L1, cụ thể như sau: Thửa đất số: 397, tờ bản đồ số: 41, địa chỉ thửa đất: Khu V, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ), diện tích: 83.5 m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng: 03/01/2067. Tài sản

bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai quận N, thành phố Cần Thơ (cũ) ngày 23/6/2022.

Khoản vay này ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T trả cho P số tiền cụ thể như sau: Thanh toán nợ gốc: 3.755.507 đồng; Thanh toán nợ lãi: 51.932.831 đồng; Tổng cộng: 55.688.338 đồng. Dư nợ tạm tính đến ngày 27/02/2026 theo Hợp đồng hạn mức cho vay số: 251/2022/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 23/06/2022 của ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T là 1.406.454.866 đồng., trong đó nợ gốc: 906.244.493 đồng, nợ lãi 500.210.373 đồng;

Ngoài ra ông Đặng Chí L1 và Ngân hàng P còn ký các hợp đồng tín dụng như sau:

- Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 231/2022/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 06/6/2022 (Khoản vay góp lương) với số tiền cho vay là 450.000.000 đồng. Đến nay, ông Đặng Chí L1 chỉ trả cho P số tiền cụ thể như sau: Thanh toán nợ gốc: 105.000.000 đồng; Thanh toán nợ lãi: 19.452.288 đồng; Tổng cộng: 124.452.288 đồng. Dư nợ tạm tính đến ngày 27/02/2026 của khoản vay này là 577.678.188 đồng trong đó nợ gốc 345.000.000 đồng, nợ lãi 232.678.188 đồng.

- Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 113/2023/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 27/4/2023 (Khoản vay thấu chi và góp lương). Khoản vay thấu chi 450.000.000 đồng. Đến nay, ông Đặng Chí L1 chỉ trả cho P số tiền cụ thể như sau: Thanh toán nợ gốc: 0 đồng; Thanh toán nợ lãi: 6.520.685 đồng; Tổng cộng: 6.520.685 đồng. Dư nợ tạm tính đến ngày 27/02/2026 của khoản vay này là 815.381.141 đồng, trong đó nợ gốc: 450.000.000 đồng, nợ lãi: 365.381.141 đồng.

- Khoản vay góp lương 80.000.000 đồng: Ngày 27/4/2023, ông Đặng Chí L1 cùng P ký kết Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp

đồng tín dụng số 113/2023/HĐTD/PVB-CNTDO với hạn mức là 80.000.000 đồng. Đến nay, ông Đặng Chí L1 chỉ trả cho P số tiền cụ thể như sau: Thanh toán nợ gốc : 4.220.000 đồng; Thanh toán nợ lãi: 1.204.182 đồng; Tổng cộng: 5.424.182 đồng. Dư nợ tạm tính đến ngày 27/02/2026 của khoản vay này như sau: Gốc: 75.780.000 đồng; Tổng lãi: 48.905.644 đồng; Tổng cộng: 124.685.644 đồng.

- Khoản vay thẻ tín dụng: Ngày 23/04/2019, ông Đặng Chí L1 cùng P ký kết Đơn đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P số: 19042310088623/TTD/PVB với hạn mức 120.000.000 đồng. Dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 27/02/2026 của ông Đặng Chí L1 như sau: Gốc: 79.859.064 đồng; Tổng lãi: 128.018.043 đồng; Tổng cộng: 207.877.107 đồng

Dư nợ tổng cộng các khoản vay góp lương, thấu chi và thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 27/02/2026 của ông Đặng Chí L1 là 1.725.622.080 đồng, trong đó nợ gốc: 950.639.064 đồng, nợ lãi: 774.983.016 đồng.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và khoản vay tín dụng, ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ. P đã gửi nhiều thông báo, công văn và làm việc trực tiếp yêu cầu ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm cho P xử lý theo đúng quy định nhưng ông L1, bà T đều không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Ngân hàng P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T liên đới thanh toán cho P tổng số tiền 1.406.454.866 đồng, bao gồm 906.244.493 đồng nợ gốc và 500.210.373 đồng nợ lãi (tạm tính đến ngày 27/02/2026). - Ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày

13/11/2024 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức cho vay số: 251/2022/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 23/06/2022;

- Trong trường hợp ông L1, bà T không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản mà hai bên đã ký kết

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông L1 và bà T đối với P. Nếu số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông L1, bà T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho P.

- Buộc ông Đặng Chí L1 thanh toán cho P các khoản vay góp lương, thấu chi, thẻ tín dụng tổng số tiền 1.725.622.080 đồng, bao gồm 950.639.064 đồng nợ gốc và 774.983.016 đồng nợ lãi (tạm tính đến ngày 27/02/2026)

Ông Đặng Chí L1 phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 231/2022/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 06/6/2022; Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 113/2023/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 27/4/2023 và Đơn đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P số: 19042310088623/TTD/PVB ngày 23/4/2019 cho đến khi ông Đặng Chí L1 thanh toán hết nợ

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn thị Xuân T phải thanh toán nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh

chấp. Những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định. Riêng đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện sau khi thẩm tra công khai tại phiên tòa sau khi nghe ý kiến tranh luận của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bị đơn ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T trả nợ theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, nên quan hệ pháp luật trong vụ án, xác định là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký. Nhận thấy các hợp đồng có hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật, trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hợp đồng hợp pháp, phát sinh hiệu lực từ ngày hai bên ký hợp đồng.

[3.2] Xét yêu cầu thanh toán nợ của nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án:

Buộc ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T phải thanh toán cho Ngân hàng theo Hợp đồng hạn mức cho vay số: 251/2022/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 23/06/2022 mà hai bên đã ký kết. Tạm tính đến ngày 27/02/2026 tổng số tiền 1.406.454.866 đồng. Trong đó nợ gốc: 906.244.493 đồng. Nợ lãi: 500.210.373 đồng.

Buộc ông Đặng Chí L1 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 1.725.622.080 đồng, bao gồm 950.639.064 đồng nợ gốc và 774.983.016 đồng nợ lãi (tạm tính đến ngày 27/02/2026). Cụ thể như sau:

- Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 231/2022/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 06/6/2022 (Khoản vay góp lương) với số tiền cho vay là 450.000.000 đồng. Dư nợ tạm tính đến ngày 27/02/2026 của khoản vay này là 577.678.188 đồng trong đó nợ gốc 345.000.000 đồng, nợ lãi 232.678.188 đồng.

- Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 113/2023/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 27/4/2023 (Khoản vay thấu chi và góp lương). Khoản vay thấu chi 450.000.000 đồng. Dư nợ tạm tính đến ngày 27/02/2026 của khoản vay này là 815.381.141 đồng, trong đó nợ gốc: 450.000.000 đồng, nợ lãi: 365.381.141 đồng.

- Khoản vay góp lương 80.000.000 đồng: Ngày 27/4/2023, ông Đặng Chí L1 cùng P ký kết Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 113/2023/HĐTD/PVB-CNTDO với hạn mức là 80.000.000 đồng. Dư nợ tạm tính đến ngày 27/02/2026 của khoản vay này như sau: Gốc: 75.780.000 đồng; Tổng lãi: 48.905.644 đồng; Tổng cộng: 124.685.644 đồng.

- Khoản vay thẻ tín dụng: Ngày 23/04/2019, ông Đặng Chí L1 cùng P ký kết Đơn đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P số: 19042310088623/TTD/PVB với hạn mức 120.000.000 đồng. Dư nợ thẻ tín dụng

tính đến ngày 27/02/2026 của ông Đặng Chí L1 như sau: Gốc: 79.859.064 đồng; Tổng lãi: 128.018.043 đồng; Tổng cộng: 207.877.107 đồng.

Việc bị đơn không thanh toán nợ, theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ, làm cho quyền lợi của Ngân hàng bị xâm phạm. Trong quá trình giải quyết vụ án, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn luôn vắng mặt không có lý do và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết thì việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc, nợ lãi là có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra bị đơn còn phải chịu lãi suất phát sinh kể từ ngày 27/02/2026 theo mức lãi suất được quy định trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết số nợ.

[3.3] Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp:

Để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng hạn mức cho vay số: 251/2022/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 23/06/2022 ông Đặng Chí L1, bà Nguyễn Thị Xuân T và Ngân hàng đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 251/2022/HĐBĐ/PVB-CNTDO ngày 23/06/2022, thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CU 291626; số vào sổ cấp GCN số: CS09844 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố C (cũ) cấp ngày 01/04/2020, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 06/06/2022 cho ông Đặng Chí L1. Thửa đất số: 397, tờ bản đồ số: 41, địa chỉ thửa đất: Khu V, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ), diện tích: 83.5 m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng: 03/01/2067.

Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai quận N, thành phố Cần Thơ (cũ) ngày 23/6/2022. Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng với ông L1, bà T đã được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định nên nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp, trong trường hợp ông L1 và bà T không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ của khoản vay Hợp đồng hạn mức cho vay số: 251/2022/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 23/06/2022 có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Cần Thơ là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng bị đơn phải chịu, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị đơn ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 54.193.646 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông L1 phải chịu 63.768.662 đồng. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đối với bị đơn ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T.

- Buộc bị đơn ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền 1.406.454.866 đồng (Một tỷ bốn trăm lẻ sáu triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc: 906.244.493 đồng (Chín trăm lẻ sáu triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng). Nợ lãi: 500.210.373 đồng (Năm trăm triệu hai trăm mười nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng). Theo Hợp đồng hạn mức cho vay số: 251/2022/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 23/06/2022.

Kể từ ngày 28/02/2026, bị đơn ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng hạn mức cho vay số: 251/2022/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 23/06/2022 cho đến khi thanh toán xong hết nợ vay.

Trường hợp bị đơn ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự kê biên phát mãi tài sản thế chấp sau đây để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số: 397, tờ bản đồ số: 41, địa chỉ thửa đất: Khu V, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ), diện tích: 83.5 m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng: 03/01/2067 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CU 291626; số vào sổ cấp GCN số: CS09844 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố C (cũ) cấp ngày 01/04/2020, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 06/06/2022 cho ông Đặng Chí L1. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 251/2022/HĐBĐ/PVB-CNTDO ngày 23/06/2022.

- Buộc ông Đặng Chí L1 thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo tổng số tiền 1.725.622.080 đồng (Một tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn không trăm tám mươi đồng). Trong đó nợ gốc là 950.639.064 đồng (Chín trăm năm mươi triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng), nợ lãi là 774.983.016 đồng (Bảy trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm tám mươi ba nghìn không trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày 28/02/2026, bị đơn ông Đặng Chí L1 còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận giữa các bên tại các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết như sau: Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 231/2022/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 06/6/2022; Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 113/2023/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 27/4/2023. Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 113/2023/HĐTD/PVB-CNTDO (khoản vay góp lương). Đơn đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P số: 19042310088623/TTD/PVB ngày 23/4/2019 cho đến khi thanh toán xong hết nợ vay.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) bị đơn ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên ông L1, bà T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đặng Chí L1 và bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 54.193.646 đồng (Năm mươi bốn triệu một trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông L1 phải chịu 63.768.662 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng). Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại 43.865.000 đồng (Bốn mươi ba triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0002643 ngày 27/8/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện KSND KV1-CT;
- Phòng T.H.A Dân sự KV 1-CT;
- Các đương sự
- Lưu.

Phạm Thị Kim Tiến